

05/13/2022

1Q2022, LNTT đạt 5,822 tỷ VND, tăng 58.3% QoQ

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.25%, giảm 1bps QoQ tuy nhiên nợ nhóm 2 và nhóm 5 tăng mạnh

Kế hoạch LNTT 2022 tăng 15% YoY

Thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 11.8488%

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 38,400 VND/cp

1Q2022, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 10,146 tỷ VND (-2.4% QoQ, -4.7% YoY); LNTT 1Q2022 cải thiện tốt so với quý trước, đạt 5,822 tỷ VND (+58.3% QoQ, -27.8% YoY). Tăng trưởng tín dụng được đẩy mạnh trong 1Q2022, đạt 9.1% YTD.

Tỷ lệ nợ xấu không có nhiều thay đổi, đạt 1.25%, giảm 1bps QoQ, tuy nhiên nợ nhóm 5 tăng mạnh từ 0.46% lên 0.58%. Trong kì, CTG tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng 4,426.7 tỷ VND (+1.1% QoQ, +227.9% YoY); tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 197.3%, cao thứ 4 hệ thống ngân hàng.

Tại đại hội cổ đông thường niên 2022, CTG đặt kế hoạch LNTT tăng 15.0% YoY; Tổng tài sản tăng 5-10% YoY; Tăng trưởng tín dụng đạt 10-12% tùy vào hạn mức từ NHNN cấp; Tăng trưởng huy động 8-10%; Tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 1.8%; Trích lập dự phòng dự kiến 12-15 nghìn tỷ VND.

Đại hội cổ đông thường niên 2022 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 569,423,778 cổ phiếu tương đương 11.8488% số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành.

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTG. Giá mục tiêu cho năm 2022 là 38,400 VND/cp, cao hơn 60.7% so với giá tại ngày 13/05/2022.

MUA

Giá mục tiêu VND 38,400

Tăng/Giảm	60.7%
Giá hiện tại (13/05/2022)	VND 23,900
Giá mục tiêu thị trường	VND 38,587
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	129,755

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,581	41,788	43,794	50,924
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	29,232	35,971	38,183	43,298
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	13,694	14,089	18,457	27,234
EPS (VND)	3,678	2,932	3,841	5,667
Tăng trưởng EPS (%)	45%	-20%	31%	48%
PER (x)	11.9	14.9	11.4	7.7
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	22,939	19,487	22,720	27,887
PBR (x)	1.91	2.25	1.93	1.57
ROE (%)	16.9%	15.9%	18.3%	22.5%

Tỷ suất cổ tức tiền mặt (%)

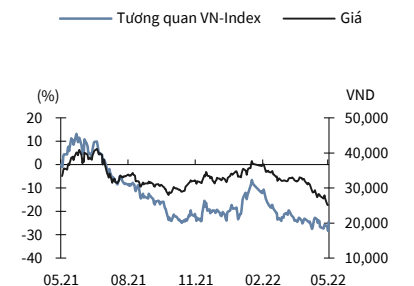
Nguồn: Fiiipro, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	15.81%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	214/9.3
Sở hữu nước ngoài (%)	25.82%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-14	-23	-16	-21
Tương đối	-3	-10	-5	-25



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Hoạt động kinh doanh

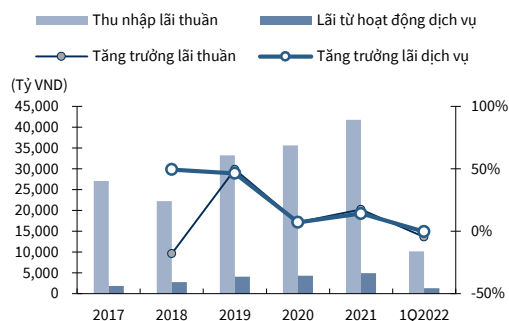
1Q2022, LNTT đạt 5,822 tỷ VND, tăng 58.3% QoQ

1Q2022, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 10,146 tỷ VND (-2.4% QoQ, -4.7% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 3,924 tỷ VND (+12.4% QoQ, +72.1% YoY) giúp TOI đạt 14,070 tỷ VND (+1.3% QoQ, +8.9% YoY). Chi phí trích lập dự phòng duy trì mức tương tự quý trước, đạt 4,427 tỷ VND (+1.1% QoQ, +227.9% YoY) khiến LNTT 1Q2022 cải thiện tốt so với quý trước, đạt 5,822 tỷ VND (+58.3% QoQ, -27.8% YoY). Tăng trưởng tín dụng được đẩy mạnh trong 1Q2022, đạt 9.1% YTD.

NIM 1Q2022 giảm 39 bps QoQ, áp lực giảm NIM vẫn sẽ gia tăng trong thời gian tới

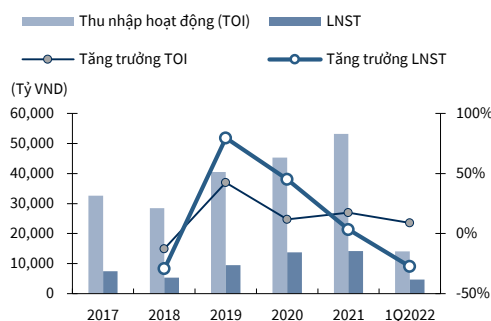
Lãi suất đầu ra bình quân 1Q2022 đạt 5.72%, giảm 37bps QoQ do tín dụng tăng trưởng nhanh trong 1Q2022 và các khoản vay mới chưa đến kì nhận lãi. Trong khi đó chi phí đầu vào bình quân đi ngang (+1bps QoQ) khiến NIM 1Q2022 đạt 2.62%, giảm 39bps QoQ. Theo quan điểm của KBSV, áp lực giảm NIM vẫn sẽ ở mức cao trong các quý tới trước áp lực chung về thanh khoản và lạm phát của toàn hệ thống. Các yếu tố có thể kì vọng để hỗ trợ NIM bao gồm: (1) tăng tỷ trọng nhóm khách hàng SME và Bán lẻ có mức lãi suất cao hơn; (2) Cải thiện CASA.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lãi từ hoạt động dịch vụ 2017-1Q2022 (YoY)



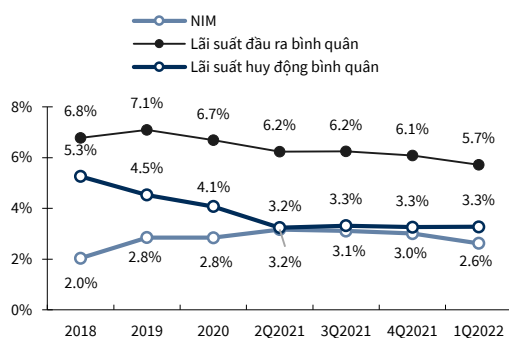
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng thu nhập hoạt động và LNST 2017-1Q2022 (YoY)



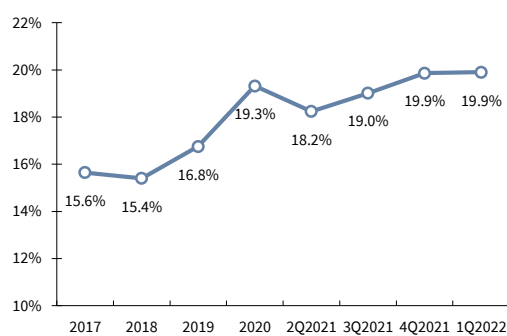
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 3. Biến động lãi suất - NIM giai đoạn 2018-1Q2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 4. Tỷ lệ CASA của CTG giai đoạn 2017 - 1Q2022

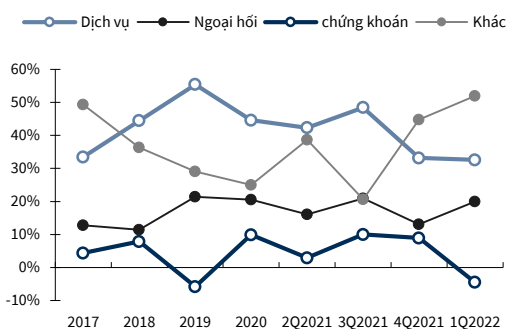


Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

NOII 1Q2022 đạt 3,924 tỷ VND, tăng 12.4% QoQ nhờ đẩy mạnh thu hồi nợ xấu

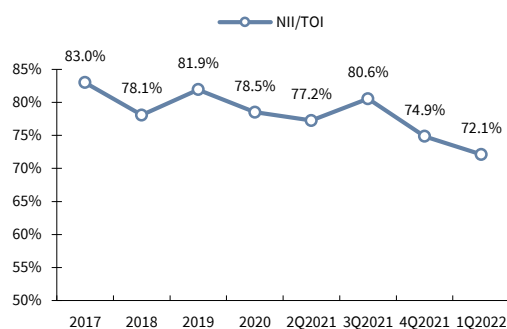
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ 1Q2022 đạt 1,278 tỷ VND giảm 0.4% YoY. Lãi từ hoạt động FX tăng 130.2% YoY trong khi đó hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh và đầu tư lỗ 176 tỷ. Trong khi đó thu hồi xử lý nợ xấu tăng mạnh so với cùng kỳ và 4Q2021 khiến lãi từ hoạt động khác đạt 1,878 tỷ VND (+27.8% QoQ, +328.1% YoY). NOII 1Q2022 đạt 3,924 tỷ VND (+12.4% QoQ, +72.1% YoY). Tỷ lệ NII/TOI đạt 72.1%, thấp hơn mức trung bình các quý gần đây.

Biểu đồ 5. Cơ cấu thu nhập ngoài lãi 2017-1Q2022



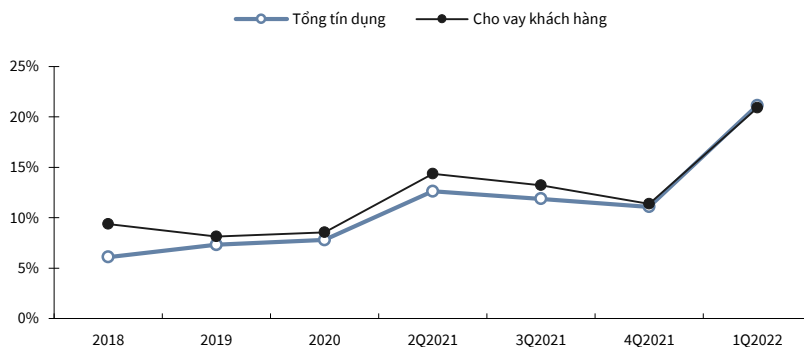
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 6. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/thu nhập hoạt động 2017-1Q2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 7. Tăng trưởng tín dụng 2018-1Q2022 (YoY)



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.25%, giảm 1bps QoQ tuy nhiên nợ nhóm 2 và nhóm 5 tăng mạnh

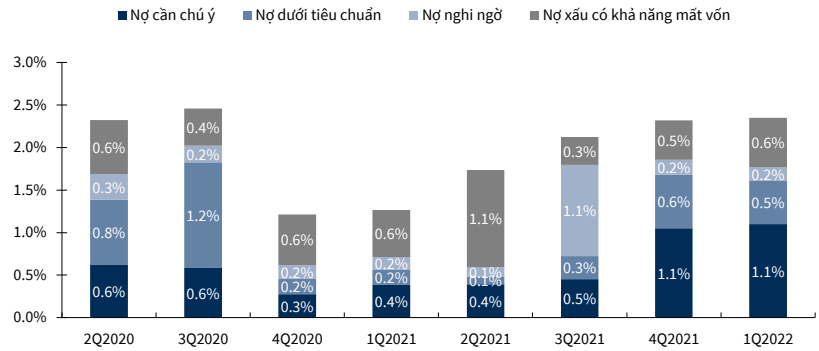
Tỷ lệ nợ xấu không có nhiều thay đổi, đạt 1.25%, giảm 1bps QoQ, tuy nhiên nợ nhóm 5 tăng mạnh từ 0.46% lên 0.58%. Trong khi đó nợ nhóm 2 tiếp tục tăng lên 1.1% (+5bps QoQ). Trong bối cảnh nền kinh tế đang có những dấu hiệu phục hồi sau dịch, nợ nhóm 2 và nhóm 5 của CTG vẫn tiếp tục tăng là yếu tố cần được theo dõi.

Đẩy mạnh trích lập dự phòng 4,426 tỷ VND, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 197.3%

Trong kì, CTG tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng 4,426.7 tỷ VND (+1.1% QoQ, +227.9% YoY); tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 197.3%, cao thứ 4 hệ thống ngân hàng. Theo thông tin từ đại hội cổ đông thường niên, số dư nợ được tái cơ cấu khoảng 10 nghìn tỷ VND so với 7.8 nghìn tỷ VND vào 3Q2021. Ngân hàng đã trích lập 90% phần cần trích lập cho nợ tái cơ cấu thay vì trải đều trong 3 năm, qua đó giảm đáng kể áp lực trích lập dự phòng trong năm 2022.

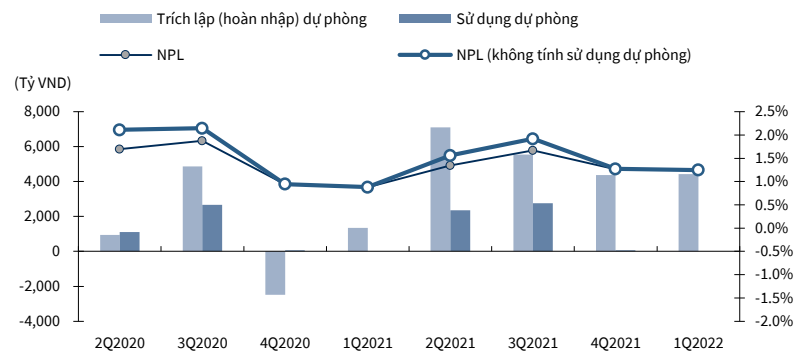
Nợ nhóm 2 tiếp tục ở mức cao trong khi nợ nhóm 5 tăng mạnh bù cho phần giảm của nợ nhóm 3.

Biểu đồ 10. Cơ cấu nợ xấu & nợ cần chú ý của CTG giai đoạn 2020-1Q2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

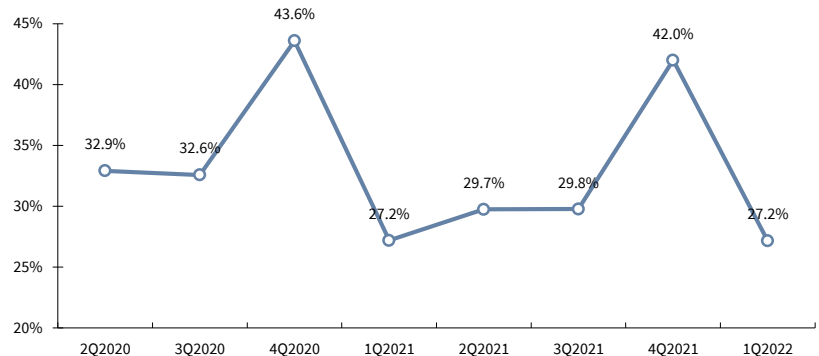
Biểu đồ 11. NPL – trích lập dự phòng 2Q2020 – 1Q2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

CIR 1Q2022 đạt 27.2% tương đương so với 1Q2021

Biểu đồ 12. Tỷ lệ CIR của CTG giai đoạn 2020-1Q2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Kế hoạch LNTT 2022 tăng 15% YoY

Tại đại hội cổ đông thường niên 2022, CTG đặt kế hoạch LNTT tăng 15.0% YoY; Tổng tài sản tăng 5-10% YoY; Tăng trưởng tín dụng đạt 10-12% tùy vào hạn mức từ NHNN cấp; Tăng trưởng huy động 8-10%; Tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 1.8%; Trích lập dự phòng dự kiến 12-15 nghìn tỷ VND. Theo quan điểm của

KBSV, kế hoạch LNTT khá thận trọng và CTG hoàn toàn có đủ khả năng để đạt được kết quả tốt hơn dựa trên: (1) Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi đến từ hoạt động Bancassurance với Manulife; (2) Trích lập dự phòng giảm mạnh so với năm 2021 do chất lượng tài sản cải thiện và tỷ lệ bao phủ nợ xấu cũng đã ở mức cao.

Thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 11.8488%

Đại hội cổ đông thường niên 2022 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 569,423,778 cổ phiếu tương đương 11.8488% số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành. Tổng giá trị phát hành dự kiến đạt 5,694.2 tỷ VND. Ngoài ra, CTG dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu bằng toàn bộ lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ 2021, tương đương khoảng 9,624.4 tỷ VND.

Dự phóng kết quả kinh doanh

Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2022

Chúng tôi đưa ra dự phóng cho CTG trong năm 2022 như sau:

- Dự phóng tăng trưởng tín dụng đạt 11.2% trong năm 2021 khi các doanh nghiệp đẩy mạnh vay nợ để hồi phục sau dịch Covid-19 cùng với kì vọng NHNN nới trần tín dụng cho CTG.
- Chúng tôi ước tính NIM 2022 giảm 25 bps YoY, đạt 2.75% với kì vọng CASA được cải thiện bù đắp một phần cho áp lực tăng lãi suất đầu vào do ảnh hưởng của thanh khoản và lạm phát.
- Dự phóng NPL đạt 1.40%, tăng 14bps YoY sau khi CTG ghi nhận đúng nhóm nợ đối với nợ tái cơ cấu theo thông tư 14/2021/TT-NHNN.
- Chi phí trích lập dự phòng đạt 14,996 tỷ VND, giảm 18.4% YoY và cao hơn so với dự phóng cũ 8.2% phản ánh quan điểm thận trọng hơn về chất lượng tài sản của CTG trong năm 2022.
- Chúng tôi dự phóng LNST năm 2022 đạt 18,550 tỷ VND, tăng 30.5% YoY.

Bảng 12. Dự phóng KQKD 2022 -2023

	2021	2022F	2023F	% YoY 2022	%YoY 2023
Thu nhập lãi thuần	41,788	43,794	50,924	5%	16%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4,961	6,469	6,729	30%	4%
Tổng thu nhập hoạt động	53,157	56,568	64,145	6%	13%
Chi phí trích lập dự phòng	(18,382)	(14,996)	(9,085)	-18.4%	-39.4%
Lợi nhuận sau thuế NH mẹ	14,089	18,457	27,234	31.0%	47.6%
NIM	3.01%	2.75%	2.88%	-25bps	13bps
Lãi suất đầu ra bình quân	6.09%	6.28%	6.51%	19bps	23bps
Lãi suất đầu vào bình quân	3.26%	3.82%	4.03%	56bps	21bps
CIR	32.3%	32.5%	32.5%	17bps	0bps
NPL	1.26%	1.40%	1.30%	14bps	-10bps
Tổng tài sản	1,531,587	1,746,686	1,890,498	14%	8%
Vốn chủ sở hữu	93,650	109,188	134,018	17%	23%

Nguồn: KBSV

Định giá – Khuyến nghị MUA, giá 38,400 đồng/cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu CTG.

(1) Phương pháp định giá P/B

Chúng tôi điều chỉnh mức P/B dự phóng 2022 về mức 1.4x tương đương trung bình P/B 3 năm của CTG, giảm so với mức 1.72x của báo cáo cũ phản ánh lo ngại chung đối với nhóm ngân hàng bởi rủi ro lạm phát và suy thoái kinh tế.

(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Bảng 14)

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Kết hợp hai phương pháp định giá trên với tỉ lệ 50-50 để ra được giá hợp lý cuối

cùng cho cổ phiếu CTG là 38,400 đồng/cổ phiếu, cao hơn 60.7% so với giá ngày 13/05/2022. Một số rủi ro có thể phát sinh giảm dự phóng của chúng tôi bao gồm: (1) Ảnh hưởng khó lường của dịch bệnh khiến chất lượng tài sản kém hơn so với dự kiến; (2) NIM giảm hơn so với dự kiến đến từ thay đổi chính sách lãi suất của NHNN.

Bảng 14. Cổ phiếu CTG – Định giá 2022 phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ đồng	2021F	2022F	2023F
Lợi nhuận sau thuế	18,550	27,370	28,727
Lợi nhuận thặng dư	4,489	10,112	8,097
Chi phí vốn (r)	12.88%		
Tăng trưởng (g)	5.0%		
Giá trị cuối cùng	84,700		
Tổng giá trị hiện tại (PV)	215,808		
Giá trị cổ phiếu CTG	44,906		

Nguồn: KBSV

Bảng 15. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
P/B	31,808	50%	15,904
Lợi nhuận thặng dư	44,906	50%	22,453
Giá mục tiêu			38,400

Nguồn: KBSV

Ngân hàng VietinBank (CTG) – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng, 2018A-2022F

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022F	2023F	(Tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần	33,199	35,581	41,788	43,794	50,924	Cho vay khách hàng	922,325	1,002,772	1,104,873	1,222,854	1,335,555
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	82,743	83,678	84,628	99,858	114,854	Chứng khoán kinh doanh	3,825	5,602	2,475	4,772	5,102
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(49,544)	(48,097)	(42,840)	(56,064)	(63,931)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bắt buộc)	8,283	9,930	11,331	12,050	12,885
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	4,055	4,341	4,961	6,469	6,729	Tài sản có sinh lời	1,206,084	1,296,501	1,483,561	1,696,522	1,834,007
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	1,497	1,910	3,398	4,136	3,374	Tài sản cố định và tài sản khác	46,931	47,904	61,209	69,873	75,671
Tổng thu nhập hoạt động	40,519	45,317	53,157	56,568	64,145	Tổng tài sản	1,240,711	1,341,436	1,531,587	1,746,686	1,890,498
Chi phí hoạt động	(15,735)	(16,085)	(17,186)	(18,385)	(20,847)	Tiền gửi của khách hàng	892,785	990,331	1,161,848	1,218,487	1,302,852
LN thuần trước CF DPRRTD	24,785	29,232	35,971	38,183	43,298	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	62,842	62,609	67,025	76,492	83,015
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(13,004)	(12,147)	(18,382)	(14,996)	(9,085)	Các khoản nợ chịu lãi	1,135,713	1,226,056	1,401,001	1,530,576	1,638,852
Thu nhập khác	2,357	2,695	4,516	5,514	4,499	Các khoản nợ khác	27,643	29,969	36,937	106,921	117,628
Chi phí khác	(860)	(785)	(1,118)	(1,379)	(1,125)	Tổng nợ phải trả	1,163,357	1,256,025	1,437,938	1,637,498	1,756,480
Tổng lợi nhuận trước thuế	11,781	17,085	17,589	23,187	34,213	Vốn điều lệ	37,234	37,234	48,058	48,058	48,058
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(2,304)	(3,328)	(3,374)	(4,637)	(6,843)	Thặng dư vốn cổ phần	8,975	8,975	8,975	8,975	8,975
LNST	9,477	13,757	14,215	18,550	27,370	Lợi nhuận chưa phân phối	19,833	26,001	21,488	37,542	62,373
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(16)	(64)	(127)	(93)	(137)	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	9,461	13,694	14,089	18,457	27,234	Vốn chủ sở hữu	77,355	85,411	93,650	109,188	134,018

Chỉ số tài chính (%)						Định giá (đồng, X, %)					
	2019	2020	2021	2022F	2023F		2019	2020	2021	2022F	2023F
Khả năng sinh lời						Chỉ số về giá					
ROE	13.1%	16.9%	15.9%	18.3%	22.5%	EPS cơ bản	2,541	3,678	2,932	3,841	5,667
ROA	0.8%	1.1%	1.0%	1.1%	1.5%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,775	22,939	19,487	22,720	27,887
ROE trước dự phòng	27.5%	28.8%	32.3%	30.1%	28.5%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	19,547	21,757	18,592	21,720	26,910
ROA trước dự phòng	1.7%	1.8%	2.0%	1.9%	1.9%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	2.8%	2.8%	3.0%	2.8%	2.9%	PER	17.2	11.9	14.9	11.4	7.7
Hiệu quả hoạt động						PBR	2.1	1.9	2.2	1.9	1.6
LDR thuần	104.8%	102.5%	97.3%	103.0%	105.0%	Tỉ lệ cổ tức	0.0%	0.0%	1.1%	1.5%	2.2%
CIR	38.8%	35.5%	32.3%	32.5%	32.5%	ROE	13.1%	16.9%	15.9%	18.3%	22.5%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	6.6%	8.1%	14.2%	14.0%	8.2%	Tỉ lệ an toàn vốn(CAR)	10.0%	9.3%	10.0%	>8%	>8%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	8.3%	8.7%	10.2%	10.7%	9.2%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	72.6%	17.9%	23.1%	6.2%	13.4%	NPL (nợ xấu nhóm 3-5)	1.2%	0.9%	1.3%	1.4%	1.3%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	79.4%	44.7%	2.9%	31.0%	47.6%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	119.7%	132.2%	180.4%	183.2%	182.4%
Tăng trưởng EPS	79.4%	44.7%	-20.3%	31.0%	47.6%	SML (nợ xấu và nợ cã nhúy)	1.8%	1.2%	2.3%	2.5%	2.1%
Tăng trưởng BVPS	14.9%	10.4%	-15.0%	16.6%	22.7%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	78.5%	102.1%	98.4%	102.6%	112.9%

Nguồn: Báo cáo công ty & KBSV

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Ví mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Ví mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.